TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 239/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 21 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 126/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông L.V.Đ, sinh năm: 1983
Địa chỉ thường trú: Thôn C, xã Q, huyện H, tỉnh T.H.
Địa chỉ tạm trú: khu phố A, đường Đ, phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đ.T.T.H, sinh năm: 1981
Đia chỉ thường trú: N.T, phường K, huyện B, tỉnh N.
Địa chỉ tạm trú: chung cư N, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 23 Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Nam Khê, huyện Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/4/2010 thì quan hệ hôn nhân giữa ông L.V.Đ và bà Đ.T.T.H là hợp pháp.

Căn cứ biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa ông Đ và bà H là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu ông Đ, bà H chung sống với nhau tương đối hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì muốn ổn định cuộc sống nên ông Đ, bà H thống nhất làm đơn yêu cầu thuận tình ly hôn

Về con chung: Giao bà Đ.T.T.H trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung tên L.T.K, sinh ngày 21/11/2010 và L.K.A, sinh ngày 16/9/2018. Ông L.V.Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đ/1 tháng/1 trẻ cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hai bên giao nhận vào ngày 30 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2020.

Các bên thi hành trực tiếp hoặc tại cơ quan có thẩm quyền về Thi hành án dân sự.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ, bà H khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L.V.Đ và bà Đ.T.T.H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 23 Quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân phường Nam Khê, huyện Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/4/2010 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao bà Đ.T.T.H trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung tên L.T.K, sinh ngày 21/11/2010 và L.K.A, sinh ngày 16/9/2018. Ông L.V.Đ cấp dưỡng nuôi con chung 3.500.000đ/1 tháng/1 trẻ cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hai bên giao nhận vào ngày 30 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8/2020.

Các bên thi hành trực tiếp hoặc tại cơ quan có thẩm quyền về Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bà Đ.T.T.H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông L.V.Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định thì hàng tháng ông Đ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ nêu trên; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ, bà H khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) ông L.V.Đ tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Đ đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027474 do Chi cục Thi hành án Quận 2 lập ngày 05/5/2020. Ông L.V.Đ đã nộp đủ lệ phí. Bà Đ.T.T.H không phải chịu lệ phí việc dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- UBND phường K;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Ngọc Phú